

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí lãi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị trường học	Công ty liên kết
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Công ty liên kết
Công ty Xăng Dầu Khu Vực II - TNHH MTV	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cổ đông lớn
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Kiên Giang	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sài Gòn Phú Quốc	Công ty là cổ đông lớn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	2.334.773.354	6.160.463.066
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn + VND	64.265.138.880	60.937.762.140
+ USD	21.396.987.811	24.879.454.641
	<u>87.996.900.045</u>	<u>91.977.679.847</u>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn + USD	925.992,94	21.396.987.811

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Zhejiang Grain Group Co.ltd	18.266.325.000	-
Cereal Investments Company (C.I.C) S.A	19.789.284.900	42.976.180.875
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương Thực Miền Nam	-	24.765.351.631
Davao Solar Best Corp	-	25.843.919.989
Các khách hàng khác	100.609.647.866	74.594.624.250
	<u>138.665.257.766</u>	<u>168.180.076.745</u>

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Trả trước bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Kiên Giang	2.060.000.000	4.980.665.300
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Ban Đền Bù Giải Tỏa 67,5 ha Phú Quốc	2.310.338.290	4.588.295.590
Công Ty Cổ Phần Nhiên Liệu Phúc Lâm	6.328.794.170	-
Ông Phạm Quốc Việt	8.427.185.374	2.560.000.000
Các nhà cung cấp khác	22.702.442.931	27.262.547.303
	<u>41.828.760.765</u>	<u>39.391.508.193</u>

1526
 Y
 N
 MẠI
 ING
 H K

17
 H
 H
 H

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Kiên Giang – chi hộ và khoản khác	10.603.079.917	-	10.603.079.917	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang - Phải thu cổ tức	2.869.731.100	-	-	-
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang - Phải thu cổ tức	2.940.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Phải thu về cổ phần hóa	2.111.816.235	-	2.111.816.235	-
Ông Nguyễn Hoàng Sơn - tạm ứng mua hàng	2.691.429.370	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.371.605.347	-	572.105.013	-
	24.587.661.969	-	13.287.001.165	-

5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tại ngày 01/01/2019			
Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi	Trên 3 năm	2.650.000.000	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	130.839.420	130.839.420
		2.780.839.420	130.839.420
Tại ngày 31/12/2019			
Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi	Trên 3 năm	2.650.000.000	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	130.839.420	-
		2.780.839.420	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu bán hàng VND
Tại ngày 01/01/2019	(2.650.000.000)
Trích dự phòng bổ sung	(130.839.420)
Tại ngày 31/12/2019	(2.780.839.420)



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	12.931.248.542	-	9.985.369.686	-
Nguyên vật liệu	56.194.090.120	-	49.785.506.480	-
Công cụ, dụng cụ	162.566.300	-	27.852.025	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241.337.305.823	-	215.634.514.742	-
Thành phẩm	37.095.704.837	-	56.284.437.172	(3.854.785.850)
Hàng hóa	43.757.768.969	-	96.963.178.509	-
Hàng gửi đi bán	14.837.501.285	-	15.851.550.812	-
	406.316.185.876	-	444.532.409.426	(3.854.785.850)

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	41.290.583	222.359.908
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	275.100.735	720.932.513
Chi phí khác chờ phân bổ	1.701.462.666	725.425.310
	2.017.853.984	1.668.717.731

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.709.588.664	3.197.330.570
Chi phí sửa chữa tài sản	1.205.316.714	1.469.346.272
Chi phí khác chờ phân bổ	3.363.959.181	5.082.077.784
	10.278.864.559	9.748.754.626

CÔNG
CỔ P
HƯƠNG
KIÊN
GIANG

3004
CỔ
CHÍNH
KIÊN
GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2019	278.233.128.351	176.382.444.621	41.058.317.801	1.438.022.000	497.111.912.773
Mua sắm trong năm	224.063.000	2.602.069.637	34.972.727	-	2.861.105.364
Tăng do XDCB hoàn thành	584.465.727	728.223.049	-	-	1.312.688.776
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(290.795.882)	(290.795.882)
Tại ngày 31/12/2019	279.041.657.078	179.712.737.307	41.093.290.528	1.147.226.118	500.994.911.031
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2019	125.269.892.254	96.118.452.015	30.642.611.389	1.107.792.895	253.138.748.553
Khấu hao trong năm	9.871.311.196	10.944.476.775	3.068.642.123	123.795.845	24.008.225.939
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(286.006.238)	(286.006.238)
Tại ngày 31/12/2019	135.141.203.450	107.062.928.790	33.711.253.512	945.582.502	276.860.968.254
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	152.963.236.097	80.263.992.606	10.415.706.412	330.229.105	243.973.164.220
Tại ngày 31/12/2019	143.900.453.628	72.649.808.517	7.382.037.016	201.643.616	224.133.942.777
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại ngày 01/01/2019	872.565.839	1.278.975.862	385.428.842	68.064.762	2.605.035.305
Tại ngày 31/12/2019	3.692.503.291	1.431.430.526	385.428.842	73.585.200	5.582.947.859
Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:					
Tại ngày 01/01/2019	152.963.236.097	80.263.992.606	10.415.706.412	330.229.105	243.973.164.220
Tại ngày 31/12/2019	143.900.453.628	72.649.808.517	7.382.037.016	201.643.616	224.133.942.777

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
 Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	102.871.104.405	30.000.000	102.901.104.405
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	<u>102.871.104.405</u>	<u>30.000.000</u>	<u>102.901.104.405</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	1.611.430.190	30.000.000	1.641.430.190
Khấu hao trong năm	1.096.507.128	-	1.096.507.128
Tại ngày 31/12/2019	<u>2.707.937.318</u>	<u>30.000.000</u>	<u>2.737.937.318</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	<u>101.259.674.215</u>	-	<u>101.259.674.215</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u>100.163.167.087</u>	-	<u>100.163.167.087</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2019	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2019	-	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>

Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

Tại ngày 01/01/2019	<u>101.259.674.215</u>	-	<u>101.259.674.215</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u>100.163.167.087</u>	-	<u>100.163.167.087</u>

1/2019

AI
IG

KIA

S-C.T.
Y
U HẠN
N
AM
CHỈ M

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019	Phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND	VND
Giá trị mua đất bờ sông	660.000.000	-	-	-	660.000.000
Giá trị xây dựng dở dang kho ngoại quan, siêu thị miễn thuế tại Hà Tiên	18.081.685.573	-	-	-	18.081.685.573
Chi phí xây dựng dở dang khác	13.686.611.652	3.829.389.018	(1.312.688.776)	-	16.203.311.894
	32.428.297.225	3.829.389.018	(1.312.688.776)	-	34.944.997.467

5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019		
	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	46.840.645.200	(22.793.423.140)		(21.658.460.542)	(*)
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Kiên Giang	46.840.645.200	(22.793.423.140)	(*)	(21.658.460.542)	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết	84.992.861.690	(2.909.396.002)		-	(*)
Công ty Cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	8.110.410.000	(2.909.396.002)	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	19.568.463.690	-	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	3.752.088.000	-	(*)	-	(*)
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	53.561.900.000	-	(*)	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.429.785.011	-		-	(*)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Phú Quốc	7.555.491.328	-	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Du Lịch Kiên Giang	502.277.763	-	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	343.070.000	-	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương Mại Sabeco Sông Hậu	28.945.920	-	(*)	-	(*)
	140.263.291.901	(25.702.819.142)		(21.658.460.542)	

(*) Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 của các khoản đầu tư này.

Công ty con:

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Kiên Giang: kinh doanh thương mại và dịch vụ. Công ty sở hữu 4.901.700 cổ phần chiếm 98,03% vốn điều lệ.

Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền: Sản xuất và xuất khẩu thủy sản. Công ty sở hữu 700.000 cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang: Sản xuất, xuất khẩu thủy sản đóng hộp. Công ty sở hữu 775.603 cổ phần chiếm 38,08% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị trường học: Kinh doanh thương mại sách và văn phòng phẩm. Công ty sở hữu 246.200 cổ phần chiếm 20% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang: Kinh doanh xăng dầu. Công ty góp vốn 49.000.000 VND chiếm 49% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty Xăng Dầu Tây Nam Bộ	9.062.983.924	24.872.537.060
Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH MTV	48.150.347.484	14.049.142.949
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Thương Mại Học Môn	-	44.770.220.940
Công ty TNHH Tân Thạnh An	25.440.041.155	-
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Long Hưng	24.573.433.680	16.916.635.740
Các nhà cung cấp khác	20.462.328.524	14.823.238.215
	127.689.134.767	115.431.774.904

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinh Phát	11.668.477.800	11.668.477.800
Công ty Cổ phần Nông Lâm Sản Kiên Giang	19.315.252.483	19.315.252.483
Các khách hàng khác	13.084.243.876	12.456.141.370
	44.067.974.159	43.439.871.653

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phát sinh trong năm		31/12/2019
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	168.501.054	-	-	168.501.054
Thuế thu nhập cá nhân	621.705.645	761.455.569	(980.197.274)	402.963.940
Thuế tài nguyên	100.000.000	16.710.960	(16.710.960)	100.000.000
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.721.578.128	(1.721.578.128)	-
Thuế khác	-	36.000.000	(36.000.000)	-
	890.206.699	2.535.744.657	(2.754.486.362)	671.464.994

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%, 5%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2019 VND	2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.486.343.008	34.371.321.132
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.135.746.408	1.147.864.707
- Các khoản điều chỉnh giảm	(39.622.089.416)	(35.519.185.839)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế TNDN phải nộp	-	-

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Trích trước chi phí môi giới, xuất khẩu	-	137.888.468
Trích trước chi phí khác	1.014.064.931	310.689.438
	1.014.064.931	448.577.906

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Các khoản phải trả Nhà nước về Cổ phần hóa	7.568.201.937	7.568.201.937
Công ty TNHH Thương Mại Kiên An Phú - Kiên Giang	1.840.915.227	1.840.915.227
Các khoản phải trả khác	4.360.369.040	4.893.259.972
	13.769.486.204	14.302.377.136

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ngân hàng BIDV	280.016.696.472	280.016.696.472	226.350.760.000	226.350.760.000
Ngân hàng Vietcombank	237.122.186.419	237.122.186.419	304.778.774.600	304.778.774.600
Ngân Hàng HDBank	31.858.945.690	31.858.945.690	48.394.355.760	48.394.355.760
Ngân Hàng VPBank	16.617.502.170	16.617.502.170	32.382.652.177	32.382.652.177
Vay dài hạn đến hạn trả	2.344.000.000	2.344.000.000	9.788.000.000	9.788.000.000
	567.959.330.751	567.959.330.751	621.694.542.537	621.694.542.537

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết số dư khoản vay và nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hạn mức	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	31/12/2019 VND
Ngân hàng BIDV	400.000.000.000	4 tháng	3,8 - 5,8	280.016.696.472
Ngân hàng Vietcombank	450.000.000.000	3 tháng - 6 tháng	3,6 - 6,3	237.122.186.419
Ngân Hàng HDBank	70.000.000.000	3 tháng	7,80	31.858.945.690
Ngân Hàng VPBank	100.000.000.000	3 tháng	8	16.617.502.170
Vay dài hạn đến hạn trả			8 - 10,1	2.344.000.000
				567.959.330.751

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	611.906.542.537	9.788.000.000	621.694.542.537
Số tiền vay phát sinh trong năm	4.996.648.911.028	-	4.996.648.911.028
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	2.344.000.000	2.344.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(5.042.940.122.814)	(9.788.000.000)	(5.052.728.122.814)
Tại ngày 31/12/2019	565.615.330.751	2.344.000.000	567.959.330.751

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng Vietcombank	14.690.900.000	14.690.900.000	17.034.900.000	17.034.900.000
Ngân hàng Hdbank	-	-	509.062.500	509.062.500
Nợ dài hạn	-	-	175.000.000	175.000.000
	14.690.900.000	14.690.900.000	17.718.962.500	17.718.962.500

Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Giá trị VND	
Ngân hàng Vietcombank	Đầu tư góp vốn đầu tư	7 năm	8 - 10,1	14.690.900.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng VND	Nợ dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	17.543.962.500	175.000.000	17.718.962.500
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(2.344.000.000)	-	(2.344.000.000)
Số tiền vay đã trả trong năm	(509.062.500)	(175.000.000)	(684.062.500)
Tại ngày 31/12/2019	14.690.900.000	-	14.690.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2019			
Vay ngân hàng	17.034.900.000	2.344.000.000	14.690.900.000
Tại ngày 01/01/2019			
Vay ngân hàng	27.331.962.500	9.788.000.000	17.543.962.500
Nợ dài hạn	175.000.000	-	175.000.000
	27.506.962.500	9.788.000.000	17.718.962.500

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	2.628.820.014	8.436.191.077
Trích lập quỹ	10.367.534.086	1.504.766.381
Chi quỹ trong năm	(12.671.812.979)	(7.312.137.444)
Số dư cuối năm	324.541.121	2.628.820.014

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	364.738.330.000	14.010.237.153	22.555.045.805	401.303.612.958
Lãi trong năm 2018	-	-	34.371.321.132	34.371.321.132
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.504.766.381)	(1.504.766.381)
Trích lập quỹ	-	809.251.362	(809.251.362)	-
Giảm khác	-	(122.700.962)	(1.122.749.236)	(1.245.450.198)
Tại ngày 31/12/2018	364.738.330.000	14.696.787.553	53.489.599.958	432.924.717.511
Tại ngày 01/01/2019	364.738.330.000	14.696.787.553	53.489.599.958	432.924.717.511
Lãi trong năm 2019	-	-	32.486.343.008	32.486.343.008
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.367.534.086)	(10.367.534.086)
Trích lập quỹ	-	3.437.132.113	(3.437.132.113)	-
Chia cổ tức	-	-	(36.657.566.491)	(36.657.566.491)
Tại ngày 31/12/2019	364.738.330.000	18.133.919.666	35.513.710.276	418.385.959.942

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
 Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.19.2 Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp Nhà Nước	178.865.780.000	49,04%	178.865.780.000	49,04%
Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH MTV	91.184.590.000	25,00%	91.184.590.000	25,00%
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	50.839.130.000	13,94%	50.839.130.000	13,94%
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Kiên Giang	36.473.830.000	10,00%	36.473.830.000	10,00%
Các cổ đông khác	7.375.000.000	2,02%	7.375.000.000	2,02%
	364.738.330.000	100,00%	364.738.330.000	100,00%

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.473.833	36.473.833
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	36.473.833	36.473.833
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	36.473.833	36.473.833
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	36.473.833	36.473.833
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	36.473.833	36.473.833

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2019	01/01/2019
- Đô la Mỹ (USD)	925.992,94	2.472.884,00
- Euro (EUR)	-	251,02

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng	6.235.346.704.136	5.925.214.353.964
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.133.653.962	1.575.714.287
	6.236.480.358.098	5.926.790.068.251

Các phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh 9.2.

6.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2019 VND	2018 VND
Giảm giá hàng bán	833.493.389	2.774.338.640
Chiết khấu thương mại	-	1.980.700
	833.493.389	2.776.319.340

6.2 Giá vốn hàng bán

	2019 VND	2018 VND
Giá vốn hàng bán	6.018.480.283.760	5.716.671.279.071

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi, lãi ký quỹ	841.660.714	488.662.650
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.889.984.175	4.252.570.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.110.183.886	10.834.462.622
Lãi thoái vốn đầu tư	-	21.628.547.078
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	300.614.511,00
Doanh thu hoạt động tài chính khác	367.901.000	345.458.500
	23.209.729.775	37.850.316.161

6.4 Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	22.665.667.123	16.343.365.346
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.229.658.803	10.091.212.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	292.131.180	-
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	4.044.358.600	18.913.548.434
Chi phí hoạt động tài chính khác	132.065.443,00	120.000.000
	31.363.881.149	45.468.126.450

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.5 Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	20.631.084.377	24.106.533.910
Chi phí vận chuyển bốc xếp	22.448.847.293	17.493.375.346
Chi phí xuất khẩu	68.363.519.771	53.878.359.029
Chi phí bán hàng khác	31.190.718.822	29.769.275.003
	142.634.170.263	125.247.543.288

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.941.430.501	18.695.603.954
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.859.879.095	3.780.904.577
Chi phí quản lý khác	13.459.498.221	17.261.064.690
	34.260.807.817	39.737.573.221

6.7 Thu nhập khác

	2019 VND	2018 VND
Thu tiền hỗ trợ, tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	135.460.425	1.057.437.235
Thu nhập khác	894.403.469	189.862.052
	1.029.863.894	1.247.299.287

6.8 Chi phí khác

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	698.735	38.321.374
Trong đó:		
<i>Giá trị còn lại của tài sản thanh lý</i>	<i>4.789.644</i>	<i>208.321.374</i>
<i>Giá trị thu hồi thanh lý tài sản cố định</i>	<i>(4.090.909)</i>	<i>(170.000.000)</i>
Chi phí bồi thường hợp đồng	344.000.000	876.145.000
Chi phí khác	316.273.646	701.054.823
	660.972.381	1.615.521.197

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.559.815.923.720	1.653.900.881.740
Chi phí nhân công	82.487.308.301	43.405.318.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.104.733.067	25.689.603.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.287.783.575	86.760.148.198
Chi phí khác	38.580.593.424	37.349.272.494
	1.818.276.342.087	1.847.105.224.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	2019 VND	2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.996.399.809.028	5.114.691.148.707

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	2019 VND	2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.053.412.185.314	4.990.121.435.086

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	567.959.330.751	14.690.900.000	582.650.230.751
Phải trả người bán	127.689.134.767	-	127.689.134.767
Phải trả khác và chi phí phải trả	14.783.551.135	-	14.783.551.135
	710.432.016.653	14.690.900.000	725.122.916.653
Ngày 01 tháng 01 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	621.694.542.537	17.718.962.500	639.413.505.037
Phải trả người bán	115.431.774.904	-	115.431.774.904
Phải trả khác và chi phí phải trả	14.750.955.042	-	14.750.955.042
	751.877.272.483	17.718.962.500	769.596.234.983

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 (xem tại thuyết minh 5.8 và 5.9).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	138.665.257.766	168.180.076.745	138.665.257.766	168.180.076.745
Các khoản phải thu khác	24.587.661.969	13.287.001.165	24.587.661.969	13.287.001.165
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.429.785.011	8.429.785.011	8.429.785.011	8.429.785.011
Tiền	87.996.900.045	91.977.679.847	87.996.900.045	91.977.679.847
	259.679.604.791	281.874.542.768	259.679.604.791	281.874.542.768
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	582.650.230.751	639.413.505.037	582.650.230.751	639.413.505.037
Phải trả người bán	127.689.134.767	115.431.774.904	127.689.134.767	115.431.774.904
Phải trả khác	14.783.551.135	14.750.955.042	14.783.551.135	14.750.955.042
	725.122.916.653	769.596.234.983	725.122.916.653	769.596.234.983

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2019 VND	2018 VND
Tiền lương và thưởng	4.815.604.022	3.274.179.535

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	2019 VND	2018 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kiên Giang	Mua hàng/dịch vụ	1.583.902.729	-
	Bán hàng/dịch vụ	353.818.092	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	Mua hàng/dịch vụ	678.915.361.731	578.323.807.250
Công ty Xăng Dầu Khu Vực II	Mua hàng/dịch vụ	965.880.338.155	243.578.525.864
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	Nhận cổ tức	5.739.462.200	2.792.170.800
Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị trường học	Nhận cổ tức	492.400.000	492.400.000
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Nhận cổ tức	5.647.639.553	-

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kiên Giang	Phải thu khác	10.603.079.917	10.603.079.917
	Trả trước người bán	2.060.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	Phải thu cổ tức	2.869.731.100	-
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Phải thu cổ tức	2.940.000.000	-
		18.472.811.017	10.603.079.917
Phải trả các bên liên quan			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	Phải trả mua hàng	9.062.983.924	24.872.537.060
Công ty Xăng Dầu Khu Vực II	Phải trả mua hàng	48.150.347.484	14.049.142.949

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2019	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	2.354.474.964.902	3.881.171.899.807	6.235.646.864.709
Chi phí phân bổ	(2.272.476.530.874)	(3.746.003.752.886)	(6.018.480.283.760)
Kết quả kinh doanh bộ phận	81.998.434.028	135.168.146.921	217.166.580.949
Chi phí không phân bổ			(176.894.978.080)
Doanh thu hoạt động tài chính			23.209.729.775
Chi phí hoạt động tài chính			(31.363.881.149)
Thu nhập khác			1.029.863.894
Chi phí khác			(660.972.381)
Lợi nhuận trước thuế			32.486.343.008
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			32.486.343.008
Vào ngày 31/12/2019			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	101.839.102.043	36.826.155.723	138.665.257.766
Tài sản không phân bổ			1.060.546.478.125
Tổng tài sản			1.199.211.735.891
Nợ phải trả không phân bổ			780.825.775.949
Tổng nợ phải trả			780.825.775.949
2018			
Doanh thu thuần	2.449.798.662.412	3.474.215.086.499	5.924.013.748.911
Chi phí phân bổ	(2.364.054.886.856)	(3.352.616.392.215)	(5.716.671.279.071)
Kết quả kinh doanh bộ phận	85.743.775.556	121.598.694.284	207.342.469.840
Chi phí không phân bổ			(164.985.116.509)
Doanh thu hoạt động tài chính			37.850.316.161
Chi phí hoạt động tài chính			(45.468.126.450)
Thu nhập khác			1.247.299.287
Chi phí khác			(1.615.521.197)
Lợi nhuận trước thuế			34.371.321.132
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			34.371.321.132
Vào ngày 31/12/2018			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	128.766.453.840	39.413.622.905	168.180.076.745
Tài sản không phân bổ			1.092.905.008.486
Tổng tài sản			1.261.085.085.231
Nợ phải trả không phân bổ			828.160.367.720
Tổng nợ phải trả			828.160.367.720



9.4 Thông tin hoạt động liên tục

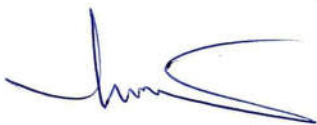
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 51.004.584.707 VND do Công ty vay ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



LÊ THỊ THUY
Người lập biểu



ĐINH HOÀI THANH
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 20 tháng 02 năm 2020

